

Bản án số: **11/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 06 - 4 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh

2. Ông Lò Văn Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thùy D

Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố Y, phường Th, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.
(Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thanh H

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị D và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 24/9/2015. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã to tiếng, có lần anh H còn đánh đập chị. Nguyên nhân chính là do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng. Ngoài ra do anh H không có công ăn việc làm, không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con. Tuy nhiên, việc vợ chồng cãi vã, anh H đánh vợ chỉ mình chị D biết và chịu đựng, do chị D không nói cho bố mẹ chồng cũng như hàng xóm nên không ai biết. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 12/2020 cho đến nay. Hiện chị D đã về sống cùng với bố mẹ đẻ tại tổ dân phố X, phường Th, thành phố Đ. Vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Do đó chị D yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị D và anh H có một con chung là cháu Lê Hoàng Bình A - sinh ngày 18/02/2016. Hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sống cùng chị D. Sau khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi cháu A thành niên. Chị D không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị D đang có công việc ổn định, thu nhập từ lương là 8.000.000 đồng/tháng đủ để chị chăm sóc, nuôi dưỡng và lo cho con ăn học. Về chỗ ở hiện chị D đang ở cùng với bố mẹ đẻ tại phường Th.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản gì chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có khoản nợ phải trả hay thu về nào, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có

Đối với bị đơn: Anh Lê Thanh H không trả lời thông báo thụ lý vụ án; không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS. Đối với bị đơn: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của BLTTDS

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị D được ly hôn với anh H.

- Đối với con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Lê Hoàng Bình A - sinh ngày 18/02/2016 cho chị D nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu Tòa giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản và nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị D phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Đề nghị bị đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn với anh H có nơi cư trú tại tổ dân phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ Lấy lời khai của đương sự, xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp. Do đó, Tòa án đã thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp đề cử kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

- Do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thùy D và anh Lê Thanh H có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyển số 01/2015, ngày 24/9/2015) là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Chị D khai nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là tính tình không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 12/2020 cho đến nay, không

còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được UBND phường T và UBND phường Th, thành phố Đ xác nhận.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn. Tuy nhiên anh H không có ý kiến trả lời, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vắng mặt tại tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa không có lý do. Đây thể hiện sự không thiện chí trong việc hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình của anh H.

Do đó có căn cứ về việc anh H và chị D đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng (nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau...) làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho chị D được ly hôn với anh H.

[3.2] Về con chung: Chị D và anh H có một con chung là Lê Hoàng Bình A - sinh ngày 18/02/2016. Theo chị D, từ khi vợ chồng ly thân, cháu A ở cùng với chị D. Thu nhập của chị D là 8.000.000 đồng/tháng, đủ để chị trang trải cuộc sống và nuôi con. Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của chị D là chính đáng và việc giao cháu A hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ cho chị D là phù hợp, đảm bảo về mọi mặt cho con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản và nợ: Do chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 238, 271 và khoản 1 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thùy D.

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thùy D được ly hôn với anh Lê Thanh H.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thùy D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hoàng Bình A - sinh ngày 18/02/2016 cho đến khi đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thùy D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0000419 ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường T, TP Đ;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ

Số: 02/2021/QĐ-SCBSBA

Điện Biên Phủ, ngày 16 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do lỗi rõ ràng về chính tả trong bản án số 11/2021/DSST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thùy D

Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố Y, phường Th, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Lê Thanh H

Địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 11/2021/DSST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên như sau:

Tại dòng thứ 16 từ dưới lên, trang 1 của bản án đã ghi: “***Biên tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “***Biên tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thắm - Kiểm sát viên.”

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ